TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2021/HS-PT
Ngày: 12 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 332/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HSST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

***- Bị cáo có kháng cáo*:**

1. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/4/1990 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Ninh Thuận. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Nhị T (đã ly hôn); tiền án: Ngày 24/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 (mười tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đang chấp hành án tại Trại giam T, L An; tiền sự: không; có mặt.

2. Đặng Nam H, sinh năm 1983, tại Thái Nguyên. Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai (sau khi bị cáo bị tạm giam thì gia đình bị cáo đã chuyển hộ khẩu thường trú đến tại tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức H, sinh năm 1950 và bà Lê Thị Dung, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Như

Q (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; tiền án: không,tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2019 cho đến nay; có mặt.

- *Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ chối Luật sư bào chữa.*

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Nam H*: Luật sư Vũ Q K Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Ngoài ra trong vụ án còn có 05 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 00giờ 30 phút ngày 06/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phối hợp với Công an phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai kiểm tra quán Bar S (tại số 08 H, thành phố P) phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đặng Nam H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật tạm giữ của H gồm: 50 viên nén, 29 gói chất bột (H khai là ma túy), cùng 02 điện thoại di động và 1.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 05 gói nilon có dính chất bột màu trắng (H khai túi nilon này dùng để phân chia ma túy) và 01 quyển sổ tay ghi chép việc mua bán ma túy của H và đồng phạm.

Tại Kết luận giám định số: 151/KLGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: 29 gói ni lon màu trắng, trong bì Công văn niêm phong số (I), ghi thu của Đặng Nam H gửi đi giám định, là ma túy, loại Ketamine, có tổng khối lượng là 9,2561gam. 50 viên nén màu xanh trong bì Công văn niêm phong số (II) gửi đi giám định là ma túy, loại MDMA, có tổng khối lượng là 20,0434gam**.** Chất dạng bột màu trắng dính trong 05 gói ni lon màu trắng trong bì công văn niêm phong ghi ký hiệu (số III), gửi đi giám định là ma túy, loại Ketamine, do lượng mẫu ít nên không cân được khối lượng. Tổng số ma túy thu giữ của H là 20,0434gam MDMA và 9,2561gam Ketamine.

Tại Kết luận giám định số: 423 ngày 18 tháng 6 năm 2019 và Kết luận số 507 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chữ viết trong cuốn sổ tay thu giữ khi khám xét nơi ở của Đặng Nam H gửi giám định là chữ viết của Đặng Nam H và Nguyễn Duy H1.

Qua quá trình điều tra, xác định được:

[1.1] Vào năm 2014, Nguyễn Duy H1 học tại Trường quân sự địa phương Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai, còn Đặng Nam H giữ chức vụ Chính trị viên của lớp học, nên H1 và H quen biết nhau. Đến tháng 4 năm 2018, H được cho phục viên.

Vào tháng 6 năm 2018, Đặng Nam H vào thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm thì gặp Nguyễn Duy H1, qua trao đổi H và H1 thống nhất cùng nhau mua ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh về Gia Lai bán kiếm lời. Nguyễn Duy H1 quen biết Nguyễn Ngọc T bán ma túy nên đưa H đến gặp T đặt vấn đề mua ma túy. T đồng ý bán cho H và H1 ma túy loại Ketamine 01 Hộp "10" (có khối lượng là 10 gam) với giá 10.000.000 đồng và ma túy viên (thuốc lắc) loại MDMA, với giá 200.000 đồng/viên, đồng thời T cho H và H1 số điện thoại (0938470686) để liên lạc. Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Duy H1 và Đặng Nam H cùng thống nhất hình thức mua, bán ma túy là H1, H chuyển tiền qua dịch vụ Viettel vào số tài khoản 0501000111339 mang tên Nguyễn Nhị T (vợ của T, đã ly hôn chưa xác định được nơi ở) mở tại Ngân hàng X. Sau đó, T gửi ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố P cho H1 và H qua tuyến xe khách.

Sau khi tìm được mối mua ma túy, Đặng Nam H và Nguyễn Duy H1 về thuê nhà tại số 89 đường Nguyễn Đình Chiểu, thành phố P, tỉnh Gia Lai để ở và bán trái phép chất ma túy. Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2018, H nhiều lần đưa tiền cho H1 chuyển cho T để mua ma túy; Sau khi có ma túy, H và H1 chia 01 hộp "10" ma túy ra thành các gói ma túy nhỏ, (mỗi gói còn gọi là 01 chấm có khối lượng khoảng 0,3 gam). Toàn bộ số ma túy này H và H1 mang đi bán cho nhiều người khác nhau, do thời gian đã lâu nên H và H1 không nhớ bán cho ai, ở đâu, chỉ nhớ bán ma túy cho trường hợp Nguyễn Thành Q. Số lượng ma túy bán được, H và H1 ghi chép vào quyển sổ tay để theo dõi.

Căn cứ vào số liệu ghi chép, H và H1 xác định, từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2018, H và H1 đã bán tổng số là: 246 viên ma túy; 120 chấm và 01 hộp "10" Ketamine (khay) với tổng số tiền là 173.800.000 đồng. Toàn bộ số ma túy này H và H1 mua của T với số tiền là 99.200.000 đồng. Tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 74.600.000 đồng H và H1 cùng chia nhau.

Đến tháng 9 năm 2018, Đặng Nam H quen và chuyển đến sống chung với Dương Ngọc A. Do mâu thuẫn với H1, nên H không mua bán ma túy chung với H1 nữa mà trực tiếp liên lạc với Nguyễn Ngọc T để mua ma túy. Từ tháng 9 năm 2018 đến ngày 05/01/2019, H đã nhiều lần mua ma túy của T về bán, do thời gian đã lâu và mua ma túy nhiều lần, nên H không nhớ chi tiết từng lần mua ma túy của T. Sau khi mua được ma túy, H chia 01 hộp "10" ma túy khay ra thành các gói nhỏ (chấm), có khối lượng là 0,3gam/ gói (chấm); 1 hộp "10" chia thành 02 hộp "05" để bán. Sau đó, H cùng A mang đến bán tại các quán

Karaoke, quán Bar tại thành phố P và bán cho khách ở huyện Đ, tỉnh Gia Lai như Nguyễn Thành Q, Nguyễn Gia Q, Hoàng Văn L, Pé Đ...

Ngoài việc mua ma túy của T, thông qua Dương Ngọc A, H còn mua 10 chấm ma túy của L và T (chưa rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 7.500.000 đồng và đã bán hết số ma túy này.

Quá trình mua bán ma túy, Đặng Nam H đều ghi chép vào cuốn sổ cá nhân, từ tháng 9 năm 2018 đến ngày 05/01/2019, H đã bán: 828 viên ma túy, 243 chấm ma túy; 02 hộp "10"; 01 hộp "05" và 1/2 hộp "05" ma túy, với tổng số tiền là 431.240.000 đồng. Toàn bộ số ma túy này H mua của T và L, T với tổng số tiền là 273.100.000 đồng. Tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy là 158.140.000 đồng, H tiêu xài hết.

Đối với số ma túy thu giữ khi bắt H là 29 chấm có khối lượng 9,2561 gam Ketamine và 20,0434gam MDMA), H mua của T vào ngày 03/01/2019 với số tiền là 20.000.000 đồng, sáng ngày 05/01/2019 H nhận ma túy, đến tối cùng ngày H mang toàn bộ số ma túy đã mua trên đến quán Bar S.E.F để bán nhưng chưa kịp bán thì bị bắt, nên H chưa kịp ghi vào sổ tay để theo dõi.

Tổng cộng: Đặng Nam H mua của Nguyễn Ngọc T 449,6434 gam MDMA và 152,6561 gam Ketamine, với tổng số tiền 384.800.000 đồng. Đặng Nam H chuyển tiền qua dịch vụ Viettel, không ghi rõ người gửi tiền nên trong tài khoản của Nguyễn Nhị T không thể hiện rõ số tiền nào H chuyển và quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã yêu cầu Viettel cung cấp thông tin về người chuyển tiền và hóa đơn kèm theo nhưng Viettel không trả lời, do đó không thu giữ được chứng từ chuyển tiền.

[1.2] Căn cứ vào Sổ ghi chép thu giữ, tin nhắn thu được trên Zalo giữa H và A, có đủ căn cứ để xác định Dương Ngọc A đã đồng phạm với H trong việc mua ma túy của L và T 10 chấm, sau đó H mang đi bán với số tiền là 7.500.000 đồng; lấy 22 viên thuốc lắc, 05 chấm và ½ hộp "05" khay của H, đi bán được 8.940.000 đồng. Ngoài ra, A giới thiệu khách để H bán 36 viên ma túy, 15 chấm và 01 hộp "05" ma túy, với tổng số tiền là 22.400.000 đồng. Sau các lần đi bán ma túy thì A được H cho 1.000.000 đồng.

Sau khi Đặng Nam H bị bắt, thông qua mạng xã hội (Zalo), Dương Ngọc A liên lạc với Nguyễn Ngọc T để mua ma túy về bán. Biết A là người yêu của H nên T cho A số điện thoại di động (0938470686) để liên lạc và mua bán ma túy với nhau.

Vào ngày 13/01/2019, A chuyển 20.500.000 đồng cho T qua số tài khoản 0501000111339 mang tên Nguyễn Nhị T tại Ngân hàng X. Sau đó, T gửi 50 viên ma túy và 01 hộp "10" ma túy khay cho A thông qua xe khách Việt Tân

Phát (tuyến thành phố Hồ Chí Minh về P). Ngày 14/01/2019, A đến nhà xe nhận ma túy, trên đường vận chuyển số ma túy này thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy trên, đồng thời kiểm tra trong túi xách của A có 01 viên thuốc lắc. Viên thuốc lắc này trước đó H đưa A để bán, nhưng A chưa kịp bán.

[1.3] Sau khi không còn tham gia bán ma túy cùng Đặng Nam H nữa, Nguyễn Duy H1 quen biết Võ Thị Kim P, đồng thời thuê nhà trọ tại phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai để ở chung với nhau. Nguyễn Duy H1 tiếp tục mua ma túy của Nguyễn Ngọc T từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố P, tỉnh Gia Lai để bán. Mỗi lần mua ma túy H1 liên hệ với T qua số điện thoại di động 0938470686. Ngoài tài khoản mang tên Nguyễn Nhị T, thì T còn cho H1 số tài khoản 4359377 mang tên Nguyễn Ngọc T, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) để trả tiền mua ma túy. T gửi ma túy bằng xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố P cho H1. Sau khi có ma túy H1 chia nhỏ rồi đưa cho P cùng với Lê Anh T, Nguyễn Đức T bán cho nhiều người ở địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai và huyện I, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các tin nhắn trao đổi mua bán ma túy giữa các đối tượng được thu giữ được trong điện thoại di động của P, cùng lời khai của các bị can. Có đủ căn cứ xác định: Ngày 15 tháng 5 năm 2019 P và H1 đã mua của Nguyễn Ngọc T 208 viên thuốc lắc và 02 gói Ketamine với giá 67.000.000 đồng. Nguyễn Duy H1 chia 02 gói Ketamine thành 01 hộp "10"; 04 hộp "05" và 10 "chấm". P đã sử dụng số tài khoản của mình 0291000353436 tại Ngân hàng X chuyển tiền 04 lần (Ngày 15/5, 17/5, 20/5 và 29/5/2019) tổng cộng 67.000.000 đồng đến số tài khoản số 4359377 của Nguyễn Ngọc T tại Ngân hàng TMCP A (A) để trả tiền mua ma túy.

Trong thời gian từ ngày 19/5/2019 đến ngày 01/6/2019 H1, P, T, T đã bán hết 78 viên thuốc lắc, 01 hộp "10" ma túy khay, 04 hộp "05" ma túy khay, 10 "chấm" khay; còn lại 130 viên thuốc lắc chưa bán hết. Trong đó, Lê Anh T tham gia bán ma túy cùng với Võ Thị Kim P 03 lần (ngày 24/5, 28/5 và 31/5/2019) Nguyễn Đức T giúp sức cho Võ Thị Kim P bán ma túy 02 lần vào ngày 24/5/2019.

Đến ngày 02/6/2019, H1 tiếp tục liên lạc với Nguyễn Ngọc T mua 185 viên thuốc lắc và 06 gói ma túy Ketamine với giá 130.000.000đồng đưa về thành phố P để bán. P đã chuyển khoản 28.000.000đồng từ số 0291000353436 (của P) tại Ngân hàng X đến số tài khoản số 4359377 của Nguyễn Ngọc T tại Ngân hàng TMCP A (A) để trả tiền mua ma túy, sau đó T gửi số ma túy trên bằng xe khách Gia Phúc từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố P cho H1.

Đến sáng ngày 03/6/2019, H1 đến Văn phòng nhà xe Gia Phúc ở đường Lý Thái Tổ, thành phố P lấy ma túy trên mang về nhà trọ tại hẻm 112/1A Tôn Thất Tùng, tổ 10, phường Phù Đổng, thành phố P, tỉnh Gia Lai, H1 bỏ 130 viên thuốc lắc bán còn lại từ ngày 01/6/2019 vào chung với số ma túy vừa mua được đưa cho P cất giữ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức T đến nhà trọ của H1 chơi cùng với H1, P và T, lúc này có người gọi điện thoại cho P hỏi mua 05 viên thuốc lắc, P đồng ý bán và lấy 05 viên thuốc lắc đưa cho Lê Anh T mang đi giao cho khách tại quán Karaoke I. Lê Anh T mượn xe mô tô BKS: 81B2-651.21 của Nguyễn Đức T, mang 05 viên ma túy MDMA đến trước quán Karaoke I thì bị Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang. Sau đó, Cơ quan điều tra tiếp tục bắt quả tang Nguyễn Duy H1 và Võ Thị Kim P, thu giữ toàn bộ 310 viên thuốc lắc và 06 gói ma túy "khay" trong nhà P đưa ra giao nộp. Lê Anh T giao nộp 01 gói nhỏ Ketamine do nhặt được trước đó cất giữ trong người để sử dụng.

Căn cứ vào sao kê giao dịch do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, Ngân hàng Y, Ngân hàng Thương mại cổ phần A cung cấp: Trong thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 07/01/2019 Nguyễn Duy H1, nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Nhị T (Ngân hàng X), với tổng số tiền là 74.400.000 đồng; từ ngày 13/3/2019 đến ngày 03/6/2019, Nguyễn Duy H1 và Võ Thị Kim P, nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Ngọc T (Ngân hàng A) với tổng số tiền 395.500.000 đồng (bao gồm số tiền 67.000.000 đồng và 28.000.000 đồng P chuyển nêu trên). Như vậy, tổng số tiền mà H1, P chuyển tiền cho T để mua ma túy là 469.900.000 đồng (395.500.000đ + 74.400.000đ); trong đó quá trình điều tra xác định từ ngày 15/5/2019 đến ngày 03/6/2019 H1 và P chuyển 95.000.000 đồng để mua 171,6123 gam MDMA và 112,5001 gam Ketamine, số tiền còn lại 374.900.000 đồng mà H1 và P chuyển cho T thì mới chỉ thể hiện số tiền đã chuyển trong tài khoản, không có tài liệu chứng minh số lượng cụ thể từng loại ma túy mà H1 và P đã mua của T.

Căn cứ vào các tin nhắn trên Zalo của Võ Thị Kim P xác định được P bán: 78 viên thuốc lắc; 04 hộp "05"; 01 hộp "10" Ketamine với tổng số tiền 59.940.000 đồng, số tiền thu lợi từ việc bán ma túy là 28.400.000 đồng. Đồng thời xác định được 01 viên thuốc lắc có khối lượng khoảng 0,4 gam và 01 chấm ma túy có khối lượng khoảng 0,3 gam; 01 hộp "10" ma túy có khối lượng là 10 gam; 01 hộp "05" ma túy có khối lượng là 5 gam, ½ hộp "05" ma túy có khối lượng là 2,5 gam (ngày 06/01/2019 khi bắt H, Cơ quan điều tra thu giữ 29 chấm Ketamine, có tổng khối lượng 9,2561 gam).

Sau khi nhận được tiền của H1, P chuyển vào ngày 24/6/2019 T đến Ngân hàng A - Chi nhánh Cộng Hòa thực hiện lệnh rút 990.000.000 đồng tiền mặt và

ngày 28 tháng 6 năm 2019 T đến Ngân hàng A - Phòng giao dịch P, thực hiện lệnh rút 420.000.000đồng tiền mặt trong tài khoản 435937 của Nguyễn Ngọc T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã thu thập các tài liệu liên quan tại Ngân hàng, trong đó có hình ảnh của Nguyễn Ngọc T và 02 giấy lĩnh tiền có chữ ký của T.

Tại kết luận giám định số 635/KLGĐ ngày 12/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Chữ ký, chữ viết "Nguyễn Ngọc T" dưới mục người lĩnh tiền trên mẫu cần giám định (A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của "Nguyễn Ngọc T" trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1,M2,và M3) do cùng một người ký ra.

[1.4] ***Như vậy:*** Tổng số ma túy mà Đặng Nam H đã mua là: 449.6434 gam MDMA và 155,6561 gam loại Ketamine. Trong đó số ma túy bắt quả tang là 20,0434 gam loại MDMA và 9,2561 gam Ketamine. Số ma túy H đã bán: 429,6 gam MDMA và 146,4 gam Ketamine. Tổng số tiền đã bán là 605.040.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của Đặng Nam H là: 212.740.000 đồng.

Trong đó: Nguyễn Duy H1 cùng chịu trách nhiệm với Đặng Nam H là: 246 viên thuốc lắc có khối lượng (246 viên x 0,4g = 98,4gam MDMA); 120 chấm ma túy khay có khối lượng khoảng (120 chấm x 0,3gam/1chấm = 36gam Ketamine) và "01 hộp10 ma túy khay" có khối lượng 10gam, với tổng số tiền đã mua là 99.200.000 đồng, tiền bán được là 173.800.000 đồng, tiền thu lời bất chính là 74.600.000 đồng.

Dương Ngọc A, chịu trách nhiệm đồng phạm với Đặng Nam H là: 22,8 gam (57 viên) MDMA và 16,5 gam Ketamine với tổng số tiền là 38.840.000 đồng và số ma túy mua về bán bị bắt quả tang là: 20,1714 gam MDMA và 10,0233gam Ketamine.Tổng số ma túy Dương Ngọc A chịu trách nhiệm là 42,97 gam MDMA và 26,5233 gam Ketamine.

Nguyễn Duy H1 chịu trách nhiệm là: 98,4gam MDMA, 46 gam Ketamine (đồng phạm với H) và từ ngày 15 tháng 5 năm 2019 đến ngày 01/6/2019 H1 cùng Võ Thị Kim P mua bán 78 viên thuốc lắc có khối lượng 31,2 gam MDMA; 2hộp "10" Ketamine có khối lượng khoảng 20gam. Ngày 03/6/2019 thu giữ 315 viên thuốc lắc (MDMA) có khối lượng 140,4123 gam và 06 gói Ketamine có khối lượng 92,5001gam.

Tổng số ma túy Nguyễn Duy H1 mua bán là: 270,0123 gam MDMA và 158,5001 gam Ketamine.

Tổng số ma túy Võ Thị Kim P mua bán là: 171,6123 gam MDMA và 112,5001 gam Ketamine.

Tổng số ma túy Nguyễn Ngọc T đã bán cho Đặng Nam H, Dương Ngọc A, Nguyễn Duy H1, Võ Thị Kim P từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 03/6/2019 là: 641,0252 gam MDMA (H: 449,6434 gam; H1: 171,6123 gam; A: 19,7695gam) và 275,1795 gam Ketamine (H 145,6561 gam; H1: 112,5001 gam; A:10,0233 gam).

Tổng số tiền mà các bị can H, H1, P, A mua ma túy của T là: 875.200.000 đồng. Trong đó Đặng Nam H mua ma túy của Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền 384.800.000 đồng; số tiền mà H1, P chuyển cho T để mua ma túy là 469.900.000 đồng; A chuyển tiền cho T để mua ma túy là 20.500.000 đồng.

[2] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đặng Nam H phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức hình phạt tù Chung thân.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt 18 (mười tám) năm tù của Bản án số 420/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và hình phạt tù Chung thân của bản án này; Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2019.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Nam H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 848.200.000 đồng, Đặng Nam H phải nộp 195.440.000 đồng, Nguyễn Duy H1 phải nộp 51.500.000 đồng, Võ Thị Kim P phải nộp 14.200.000 đồng, Dương Ngọc A phải nộp 1.000.000 đồng, Nguyễn Đức T phải nộp 500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

[3] *Kháng cáo:*

Ngày 13-4-2021, bị cáo Đặng Nam H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do kháng cáo là thực chất số lượng ma túy khi bị bắt rất ít, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình 03 đời có công cách mạng, bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang.

Ngày 14-4-2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính "hơn tám trăm triệu đồng" là không hợp lý, bởi đây là tiền bị cáo thu vào, chưa trừ các khoản chi phí.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Đặng Nam H giữ nguyên kháng cáo, đồng thời có ý kiến là ngoài các lý do kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo thì bị cáo còn có nộp khắc phục hậu quả số tiền 20.000.000 đồng.

Luật sư bào chưa cho bị cáo H có ý kiến rằng bị cáo H đã tự thú khai ra các hành vi mua bán ma túy trước đó nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là điểm r khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T giữ nguyên đơn kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là bị cáo mua ma túy nơi khác rồi mới bán cho H và các bị cáo khác trong vụ án, cho nên số tiền các bị cáo nhận chuyển khoản thì bị cáo phải chi phí cho việc mua ma túy nơi khác, cụ thể là bị cáo mua 180.000 đồng một viên ma túy (thuốc lắc) rồi bán cho H với giá 200.000 đồng; ngoài ra bị cáo còn phải chi phí cho nhiều khoản nhỏ khó nhớ để kê khai cụ thể; vì vậy bị cáo không thu lợi bất chính số tiền "hơn tám trăm triệu đồng", vì đây là số tiền bị cáo bán ra chưa chi phí các khoản mua vào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Nam H. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, do tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận mua bán ma túy với các bị cáo trong vụ án để hưởng tiền chênh lệch, nên cần chấp nhận kháng cáo, sửa phần bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX tính khấu trừ chênh lệch giữa mua vào và bán ra để buộc bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2018 đến ngày 03-6-2019 bị cáo Nguyễn Ngọc T đã bán ma túy nhiều lần cho Đặng Nam H, Nguyễn Duy H1, Dương Ngọc A, Võ Thị Kim P với tổng số lượng ma túy là : 641,0252 gam MDMA và 275,1795 gam Ketamine. Trong đó bị cáo Đặng Nam H được xác định số lượng ma túy mua bán từ tháng 9/2018 đến khi bị bắt quả tang ngày 05/01/2019 là 449,6434 gam MDMA và 155,6561 gam loại Ketamine.

Số tiền mà các bị cáo đã chuyển cho bị cáo T để mua ma túy được xác định: H1 và P chuyển cho T nhiều lần với tổng số tiền 469.900.000 đồng, Đặng Nam H chuyển nhiều lần cho T bằng dịch vụ Viettel với tổng số tiền 384.800.000 đồng, Dương Ngọc A chuyển cho bị cáo T 20.500.000 đồng; tổng cộng là 875.200.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Nam H:

Bị cáo Đặng Nam H đã được xác định từ tháng 9/2018 đến khi bị bắt quả tang ngày 05/01/2019 đã nhiều lần mua bán với tổng số 449,6434 gam MDMA và 155,6561 gam loại Ketamine. Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo H đã được Bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Huân chương chiến sỹ vẻ vang, gia đình có công cách mạng, đã nộp một phần (20.000.000đ) tiền thu lợi bất chính; đồng thời có một tình tiết tăng nặng "*phạm tội hai lần trở lên"*để xử phạt bị cáo 20 năm tù là phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, các tình tiết giảm nhẹ nêu trong lý do kháng cáo đã được bản án sơ thẩm áp dụng; do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T

Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ giai đoạn điều tra, truy tố đến phiên tòa sơ thẩm đều im lặng và không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai việc chuyển tiền giữa các bị cáo H, H1, P, A cho bị cáo là do bị cáo có kinh doanh quán cà phê, các bị cáo khác nhờ bị cáo đưa tiền mặt và chuyển tiền vào tài khoản cho bị cáo. Bản án sơ thẩm đã căn cứ trên chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được, nội dung tin nhắn trao đổi về việc mua bán ma tuý giữa T và các bị cáo khác,

cũng như các lần và số tiền mà các bị cáo chuyển cho T: đã xác định được bị cáo H1 và P nhiều lần chuyển cho T qua hệ thống Ngân hàng với tổng số tiền 469.900.000 đồng, Đặng Nam H chuyển nhiều lần cho T bằng dịch vụ Viettel với tổng số tiền 384.800.000 đồng, Dương Ngọc A chuyển 20.500.000 đồng; nên đã xác định tổng số tiền là 875.200.000 đồng mà các bị cáo chuyển cho T là để mua ma tuý, tổng số ma túy T đã bán cho các bị cáo từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 03/6/2019 được xác định là: 641,0252 gam MDMA và 275,1795 gam Ketamine.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận có hành vi mua bán ma túy với các bị cáo khác trong vụ án. Bị cáo chỉ kháng cáo về Biện pháp tư pháp đã quyết định buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 848.200.000 đồng, với lý do bản án sơ thẩm chưa khấu trừ số tiền bị cáo mua ma túy và các khoản chi phí khác, bị cáo chỉ thu lợi bất chính khoản 20.000 đồng/1 viên ma túy. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền 875.200.000 đồng đã được xác định là tiền bị cáo có được do bán ma túy, nên cần phải thu hồi. Hơn nữa, bị cáo không chứng minh được đã chuyển số tiền này cho ai, bị cáo là chủ mưu, cầm đầu hay là trung gian mua bán ma túy. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với số tiền có được do phạm tội mua bán ma túy trong vụ án là có căn cứ. Số tiền mà bị cáo nhận được là 875.200.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc nộp 848.200.000 đồng, là đã có xem xét đến các khoản mà bị cáo đã chi phí thực tế (như bồi dưỡng cho người đứng tên tài khoản.....) theo hướng có lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Nam H và Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức hình phạt tù Chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt 18 (mười tám) năm tù của Bản án số 420/2020/HSST ngày 24-9-2020 của Toà án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và hình phạt tù chung thân của bản án này. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù: Chung thân; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-9-2019.

Về biện pháp tư pháp**:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 848.200.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Nam H 20 (hai mươi) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-01-2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Đặng Nam H phải nộp 195.440.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng y)* sung vào ngân sách nhà nước; (Khấu trừ số tiền mà bị cáo Đặng Nam H đã tạm nộp để thực hiện nghĩa vụ thi hành án 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003915 ngày 9-7-2020, số tiền còn lại phải nộp là 175.440.000 đồng)

4.Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng, bị cáo Đặng Nam H phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ I-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Ia Tô (thay thông báo);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long